TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2023/DS-ST
Ngày 06 - 9 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Hải Dương.

Ông Nguyễn Hoài Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên tòa: Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 383/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Kim Thị T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở hiện nay: Khóm 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Lê N, sinh năm 1988. Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Kim Thị T trình bày:

Vào ngày 01/9/2022, bà N có mượn của bà số tiền là 140.000.000 đồng, hứa hẹn 01 tháng sau tức ngày 01/10/2022 sẽ trả. Vì tin tưởng và biết bà N có công việc ổn định nên bà đã cho bà N mượn tiền (Bà N công tác tại Bệnh viện Đa khoa Đầm Dơi). Tuy nhiên đến hạn trả nợ thì bà N không trả, bà đã đòi nhiều lần nhưng bà N không trả.

Nay bà T yêu cầu bà Nguyễn Lê N trả số tiền gốc 140.000.000 đồng, tiền

lãi tính từ ngày 01/10/2022 đến ngày 01/6/2023 là: 140.000.000 đồng x 20%/năm x 08 tháng = 17.920.000 đồng, tổng số tiền là 157.920.000 đồng.

Bà xác định chỉ cho bà N mượn 01 lần với số tiền 140.000.000 đồng và thỏa thuận 01 tháng trả lại cho bà, do bà N không trả đúng thời hạn nên bà yêu cầu trả lại tiền và lãi suất tính từ ngày hết thời hạn cho mượn. Bà N cho rằng có mượn tiền bà nhiều lần và cung cấp các biên nhận nợ bà xác định không có vì chỉ có bà N ký tên, bà không có ký tên xác nhận.

Bị đơn bà Nguyễn Lê N trình bày:

Trước đây bà có vay tiền của bà T nhiều lần, mỗi lần vay đều có biên nhận, tổng số tiền là 240.000.000 đồng, trong đó số tiền vay 200.000.000 đồng, đóng gốc và lãi hàng ngày là 8.000.000 đồng, bà đóng đủ từ ngày 30/5/2022 đến ngày 01/9/2022; số tiền 40.000.000 đồng đóng lãi hàng ngày là 500.000 đồng, bà đóng đủ từ ngày 15/8/2022 đến ngày 01/9/2022.

Đến ngày 01/9/2022 bà và bà T đối chiếu lại nợ thì bà còn thiếu bà T 140.000.000 đồng bao gồm tiền gốc và tiền lãi

Quá trình giao dịch cụ thể như sau:

Ngày 02/5/2022, bà có vay của bà T 20.000.000 đồng, lãi 200.000đ/ngày, đóng lãi từ ngày 02/5/2022 đến ngày 19/9/2022 là 141 ngày, đã đóng 28.200.000 đồng, dư 26.790.000 đồng so với lãi suất quy định (20%/năm).

Ngày 15/8/2022, bà có vay của bà T 20.000.000 đồng, lãi 300.000đ/ngày, đóng lãi từ ngày 15/8/2022 đến ngày 19/9/2022 là 36 ngày, đã đóng 10.800.000 đồng, dư 10.440.000 đồng so với lãi suất quy định (20%/năm).

Ngày 15/3/2022 bà có vay của bà T 30.000.000 đồng, trả 01 ngày 1.200.000đ, thời hạn trả 30 ngày, đã trả 36.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 30.000.000đ, lãi 6.000.000 đồng, dư 5.550.000 đồng so với lãi suất quy định (20%/năm).

Ngày 04/4/2022 bà có vay của bà T 150.000.000 đồng, trả ngày 5.600.000đ, thời hạn trả 30 ngày, đã trả 168.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 140.000.000đ, lãi 30.000.000 đồng, dư 27.750.000 đồng so với lãi suất quy định (20%/năm).

Ngày 04/5/2022 bà có vay của bà T 110.000.000 đồng, trả 01 ngày 4.400.000đ, thời hạn trả 30 ngày, đã trả 132.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 110.000.000đ, lãi 22.000.000 đồng, dư 20.3500.000 đồng so với lãi suất quy định (20%/năm).

Ngày 30/5/2022 bà có vay của bà T 150.000.000 đồng, trả 01 ngày 6.000.000đ, thời hạn trả 30 ngày, đã trả 180.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 150.000.000đ, lãi 30.000.000 đồng, dư 27.750.000 đồng so với lãi suất quy định (20%/năm).

Ngày 01/7/2022 bà có vay của bà T 190.000.000 đồng, trả 01 ngày 7.600.000đ, thời hạn trả 30 ngày, đã trả 228.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 190.000.000đ, lãi 38.000.000 đồng, dư 35.150.000 đồng so với lãi suất quy định

(20%/năm).

Ngày 27/7/2022 bà có vay của bà T 200.000.000 đồng, trả 01 ngày 8.000.000đ, thời hạn trả 30 ngày, đã trả 240.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 200.000.000đ, lãi 40.000.000 đồng, dư 37.000.000 đồng so với lãi suất quy định (20%/năm).

Ngày 29/8/2022 bà có vay của bà T 200.000.000 đồng, trả 01 ngày 8.000.000đ, thời hạn trả đến ngày 19/9/2022 thì bà T yêu cầu trả hết.

Bà T gom lại tiền đứng 40.000.000 đồng, tiền lãi 500.000đ/ngày. Tính đến ngày 19/9/2022 bà nợ bà T 140.000.000 đồng, do bà không trả đúng thời gian theo yêu cầu của bà T nên bà thống nhất ghi biên nhận mượn tiền là 140.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi bà đã đóng là 205.000.000 đồng, vượt quá quy định 190.780.000 đồng nay bà yêu cầu được đối trừ.

Đối với các biên nhận nợ do bà viết giao cho bà T, hiện bà T đang giữ bản gốc, bà chỉ chụp hình lại, đối với việc đóng lãi hàng tháng, phương thức là bà đưa trực tiếp bà T, không có ký nhận giấy tờ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc là 140.000.000 đồng, không yêu cầu bà N trả tiền lãi.

Bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 140.000.000 đồng.

Về án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc, không yêu cầu tính lãi, do đó được xác định là nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp giấy mượn tiền ngày 01/9/2022 có chữ ký người mượn Lê N và người cho mượn

Kim Thị T thể hiện nội dung: bị đơn có mượn của nguyên đơn số tiền 140.000.000 đồng, thời gian từ ngày 01/9/2022 đến 01/10/2022.

Tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận giấy mượn tiền do bị đơn viết, đây là số tiền hai bên chốt nợ với nhau, đến ngày 01/9/2022 bị đơn còn nợ nguyên đơn 140.000.000 đồng, đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán. Bị đơn cho rằng trước đây bị đơn vay của nguyên đơn nhiều lần, số tiền 140.000.000 đồng hai bên chốt với nhau bao gồm cả gốc và lãi, quá trình giao dịch bị đơn đã đóng lãi nhiều lần cho nguyên đơn và số tiền đóng lãi vượt quá số tiền theo quy định pháp luật là 190.780.000 đồng, bị đơn yêu cầu đối trừ với số tiền nợ 140.000.000 đồng, số tiền đóng lãi thừa không yêu cầu nguyên đơn hoàn lại.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình, bị đơn cung cấp các bản photo biên nhận nợ thể hiện có nhiều lần vay tiền nguyên đơn và 04 đoạn ghi âm có nội dung trao đổi về tiền lãi với nguyên đơn và chồng của nguyên đơn tên Thanh.

Đối với các biên nhận nợ nguyên đơn không thừa nhận; đối với các đoạn ghi âm nguyên đơn xác định là giọng nói bạn của nguyên đơn tên Th và có giọng nói của nguyên đơn, tuy nhiên nội dung trao đổi không liên quan gì đến khoản tiền vay 140.000.000 đồng và nội dung trao đổi là giữa ông Th với bà N, không có liên quan đến bà.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với các biên nhận nợ bị đơn cung cấp đều là các bản photo, bị đơn xác định hiện nay không cung cấp được bản chính của các biên nhận này, biên nhận do bị đơn viết và ký tên nhưng không được nguyên đơn thừa nhận. Đối với các đoạn ghi âm: Các nội dung trao đổi không thể hiện rõ khoản nợ vay, số tiền lãi đã đóng cụ thể là bao nhiêu và cũng không có nội dung liên quan số tiền 140.000.000 đồng.

Đồng thời tại giấy mượn tiền ngày 01/9/2022 không thể hiện nội dung đây là số tiền chốt lại các khoản mà bị đơn đã vay của nguyên đơn, không thể hiện nợ gốc bao nhiêu, nợ lãi bao nhiêu như bị đơn trình bày. Ngoài các tài liệu nêu trên và lời trình bày của mình thì bị đơn không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 140.000.000 đồng.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn dự nộp do thuộc đối tượng là người cao tuổi; Bị đơn phải chịu 7.000.000 đồng (140.000.000đ x 5%).

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị T. Buộc bà Nguyễn Lê N trả cho bà Kim Thị T 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Lê N phải chịu 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), chưa nộp.

- Bà Kim Thị T được miễn, do thuộc đối tượng là người cao tuổi.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Dũng Liêm